

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NĂM CĂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2018/HNGĐ-ST
Ngày 23-5-2018
V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Diệu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Hoàng Hân.

Ông Nguyễn Đồng Nhân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hồng Ngân là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ngày 23 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 65/2018/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Bùi Bạch V, sinh năm 1974 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Số 16, đường V, khu phố 3, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn: Ông Phan Quốc C, sinh năm 1966 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Khóm 6, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 3 năm 2018 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Bùi Bạch V trình bày yêu cầu:

- Về hôn nhân: Bà Bùi Bạch V và ông Phan Quốc C kết hôn năm 1998 (hôn nhân lần thứ hai) trên tinh thần tự nguyện. Đến ngày 01 tháng 4 năm 2010, hôn nhân mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, giấy chứng nhận kết hôn do ông C quản lý nhưng nay bị thất lạc.

Lý do ly hôn: Lúc đầu hôn nhân hạnh phúc. Đến năm 2015, giữa bà V và ông C phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng hay cự cãi, ông C thường xuyên đánh đập, xúc phạm danh dự nhân phẩm bà V và gia đình bà V. Đồng thời, ông C nghi ngờ lòng chung thủy của bà V dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Thời gian ly thân bà V sống tại nhà cha mẹ ruột tại huyện B, tỉnh Bến Tre, còn ông C sống tại huyện N, tỉnh

Cà Mau. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà V yêu cầu ly hôn với ông Phan Quốc C.

- Về con chung: Có 02 người con

+ Phan Quốc B, sinh ngày 23/02/2000 (nam), đang sống với bà V;

+ Phan Bùi D, sinh ngày 05/02/2010 (nam), đang sống với ông C.

Khi ly hôn, Quốc B đã trưởng thành nên bà V không yêu cầu Tòa án giải quyết, bà V yêu cầu nuôi dưỡng Bùi D và không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản chung, nợ thu và nợ trả: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 12 tháng 4 năm 2018, bị đơn ông Phan Quốc C trình bày:

- Về hôn nhân: Năm 1998 ông C có tìm hiểu và đi đến hôn nhân với bà V (hôn nhân lần thứ hai). Hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N vào năm 2010. Hiện nay giấy chứng nhận kết hôn đã bị thất lạc.

Lúc đầu chung sống hôn nhân hạnh phúc. Đến năm 2015 vợ, chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, ông C thừa nhận trong lúc vợ chồng cự cãi do nóng giận nên ông có đánh bà V làm bà bỏ nhà đi và vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Khi ly thân, bà V về sống với cha mẹ ruột tại tỉnh Bến Tre. Thời gian qua ông C có đến rước bà V về đoàn tụ hôn nhân nhưng bà không đồng ý. Nay qua yêu cầu ly hôn của bà V, ông C không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ.

- Về con chung: Có 02 người con tên Phan Quốc B, sinh năm 2000 (nam) và Phan Bùi D, sinh năm 2010 (nam). Khi ly hôn ông C yêu cầu nuôi Phan Bùi D, không yêu cầu bà V cấp dưỡng nuôi con. Cháu Quốc B đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét về việc nuôi dưỡng.

- Về chia tài sản chung, nợ thu và nợ trả: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Bà V yêu cầu ly hôn với ông C; về nuôi con chung: Quốc B đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét về việc nuôi dưỡng, Bùi D đang sống với ông C nên bà V đồng ý giao cháu D cho ông C tiếp tục nuôi dưỡng; việc cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ thu và nợ trả không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông C vắng mặt nên không có ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng

Bà Bùi Bạch V yêu cầu ly hôn với ông Phan Quốc C, bà V và ông C yêu cầu nuôi con chung. Đây là các tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc Thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; ông C cư trú tại khóm 6, thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn nên theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Phan Quốc C có đơn yêu cầu vắng mặt, yêu cầu của ông C phù hợp với quy định pháp luật, căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt đối với ông Phan Quốc C.

[2] Về nội dung vụ án

Về hôn nhân: Năm 1998 bà Bùi Bạch V và ông Phan Quốc C có thời gian tìm hiểu và đi đến hôn nhân trên tinh thần tự nguyện. Đến năm 2010 mới lập thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau, giấy chứng nhận kết hôn đã bị thất lạc. Theo “Trích lục kết hôn” thể hiện bà V và ông C đăng ký kết hôn ngày 01 tháng 4 năm 2010, vào sổ đăng ký số 68/2010. Vì vậy quan hệ hôn nhân của bà Bùi Bạch V và ông Phan Quốc C được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Quá trình chung sống giữa bà V và ông C có những bất hòa không thể hàn gắn được, bà V và ông C đều xác định trong lúc cự cãi, ông C có đánh bà V. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Trong thời gian qua ông, bà cũng không giải quyết được mâu thuẫn, bà V yêu cầu ly hôn, ông C không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ. Xét thấy trong thời gian sống ly thân giữa bà V và ông C cũng không có biện pháp hàn gắn hôn nhân. Mặt khác, Tòa án có tổ chức các phiên hòa giải nhưng ông C không tham gia cho thấy ông C không có thiện chí hàn gắn hôn nhân với bà V. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa bà V và ông C đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nếu D trì hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc cho đôi bên nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Bùi Bạch V đối với ông Phan Quốc C.

Về nuôi con chung: Hai đương sự xác định có 02 người con

- Phan Quốc B, sinh ngày 23/02/2000 (nam), đang sống với bà V;
- Phan Bùi D, sinh ngày 05/02/2010 (nam), đang sống với ông C.

Khi ly hôn, Quốc B đã trưởng thành nên bà V và ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng. Ông C yêu cầu nuôi cháu Bùi D, bà V đồng ý giao D cho ông C nuôi dưỡng. Xét thấy đây là sự thỏa thuận tự nguyện của các đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Bà Bùi Bạch V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về việc cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung, nợ thu và nợ trả: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự “*Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó*”, do đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch bà V phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, bà V được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 147, 207, 220, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng mặt đối với ông Phan Quốc C; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Bùi Bạch V đối với ông Phan Quốc C.

Về nuôi con chung: Hai đương sự xác định có 02 người con

- Phan Quốc B, sinh ngày 23/02/2000 (nam), đang sống với bà V;
- Phan Bùi D, sinh ngày 05/02/2010 (nam), đang sống với ông C.

Giao Bùi D cho ông C trực tiếp nuôi dưỡng, Quốc B đã trưởng thành nên bà V và ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con.

Bà Bùi Bạch V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về việc cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung, nợ thu và nợ trả: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: Bà Bùi Bạch V phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng, bà V được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0015833 ngày 13 tháng 3 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tính từ ngày bản án được được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- Các đương sự.
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Diệu Hiền

